TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2023/HS-ST.
Ngày: 26/12/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ
Bà Trần Thanh Phương
- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 307/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 1093/2023/HSST- QĐ ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện N đối với:

- Bị cáo **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1992 tại tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: ấp TC, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chỗ ở hiện nay: ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền sự: Không

- Tiền án: Ngày 25/4/2011, Nguyễn Trung H bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d, khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 và 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; tổng hợp hình phạt là 10 năm tù, đến ngày 02/11/2017, H chấp hành xong hình phạt tù và nộp án phí, nhưng đến nay, H chưa chấp hành phần bồi thường dân sự cho bị hại nên chưa được xóa án tích.

- Nhân thân: Ngày 10/9/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Đến ngày 18/01/2020, H chấp hành xong bản án.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/3/2023 và bị chuyển tạm giam. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Anh B, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường C, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường BTĐ, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Nguyễn Văn CH, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Phường TH, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Lê Trí D1, sinh năm 1977 (có mặt)

+ Chị Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng trú tại: 92/2 Ng, phường BTT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chị Võ Thị Mộng T1, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: số 70 đường 13, kp1, phường C, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2005 (có mặt)

+ Anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1993 (có mặt)

Cùng trú tại: ấp VG, xã PA, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung H biết được thông tin vụ cố ý gây thương tích xảy ra tại ấp Phước Lý, xã Đại Phước, N vào ngày 15/9/2022 gồm có Nguyễn Chí K, Nguyễn Gia HH, Nguyễn Anh Duy, Phạm Trung H, Nguyễn Hoàng T2, Phan Nguyễn Minh Thắng đã có hành vi sử dụng hung khí gây thương tích cho Nguyễn Đinh Gia Huy, sinh năm 2005, trú ấp Phước Lý, xã Đại Phước, N tại ấp Phước Lý, xã Đại Phước, N đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N khởi tố vụ án Hình sự về tội Cố ý gây thương tích nên H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các gia đình có đối tượng gây thương tích để lấy tiền tiêu xài. H dùng điện thoại Oppp A 15, màu trắng liên lạc với anh Nguyễn Anh B là cha ruột của K. H nói dối với anh B là H có quen người bên Công an và Viện kiểm sát huyện, H có khả năng lo chạy trắng án cho con anh B được, anh B tin và gặp H tại quán cà phê S thuộc ấp BĐ, xã PĐ. Tại đây, H nói dối với anh B là K sẽ bị khởi tố, bắt tạm giam và yêu cầu anh B đưa số tiền 200.000.000 đồng cho H để K không bị bắt tạm giam và được hưởng án treo và anh B tin tưởng, đồng ý.

Đến ngày 24/12/2022, tại quán cà phê S, anh B đưa trước cho H số tiền 70.000.000 đồng, đến sáng ngày 26/12/2022, tại quán cà phê S, anh B tiếp tục đưa cho H số tiền 80.000.000đồng; tiếp tục đến ngày đầu tháng 01/2023 (không rõ ngày cụ thể), H hẹn gặp anh B tại quán cà phê S, anh B đưa cho H số tiền 50.000.000đồng. Khoảng giữa tháng 02/2023 (không rõ ngày cụ thể), tại quán nước ven đường thuộc ấp CK, xã PH, N, H nói dối với anh B là đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng để cho bên bị hại, tuy nhiên do không mang đủ tiền nên B đưa

cho H số tiền là 17.000.000 đồng. Tổng số tiền H nhận từ anh B là 217.000.000 đồng.

Sau đó, H gọi điện thoại nói anh B đưa thêm cho H số tiền 200.000.000 đồng thì H sẽ lo úp hồ sơ, không đưa vụ việc ra Tòa án để xét xử. Anh B tin tưởng, đồng ý và đã liên hệ với Phạm Hoàng T là cha của Phạm Trung H; anh Nguyễn Văn CH là cha của Nguyễn Anh Duy; anh Lê Trí D1, chị Phạm Thị Hoàng Y là cha dượng và mẹ ruột của Nguyễn Gia HH; chị Võ Thị Mộng T1 là mẹ của Nguyễn Hoàng T2 trao đổi để đưa tiền nhờ H lo chạy án, úp hồ sơ vụ án thì những người này đồng ý.

Đến ngày 27/12/2022, H gặp anh B cùng anh Phạm Hoàng T, anh Nguyễn Văn CH tại quán cà phê S, H tiếp tục nói dối về việc có thể nhờ úp hồ sơ vụ án, không xử lý các đối tượng gây thương tích và yêu cầu những người trên đưa thêm số tiền 200.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày 27/12/2022 H đi cùng bạn gái là Nguyễn Thị L đến quán cà phê Mai thuộc phường C, TP TĐ gặp anh T và anh CH. Tại đây, anh T đưa cho H số tiền 60.000.000đồng (trong đó của anh là 20.000.000đồng, 20.000.000đồng của anh Lê Trí D1 gửi nhờ đưa cho H, 20.000.000đồng của chị Võ Thị Mộng T1 gửi nhờ đưa cho H). Anh CH đưa cho H số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 04/01/2023 anh CH nhờ tài khoản Phạm Thế Nam chuyển cho H số tiền 10.000.000đồng thông qua tài khoản của L. Cùng ngày 04/01/2023 anh T gặp H thông qua tài khoản của L để chuyển cho H số tiền 20.000.000đồng (trong đó có 10.000.000đồng chị T1 nhờ gửi cho H).

Đến sáng ngày 05/01/2023, anh CH gặp H và L tại Làng Bè thuộc xã PA, N anh CH đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng. Đến chiều ngày 05/01/2023, H và L tiếp tục gặp anh T, chị Y, chị T1 tại ấp Giồng Ông Đông, xã PĐ, N, tại đây anh T đưa cho H số tiền 3.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của L số tiền 7.000.000 đồng, T1 đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng, Y chuyển khoản cho L số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền chuyển vào tài khoản của L là 57.000.000 đồng, sau đó H nói L chuyển vào tài khoản 0401001503999 ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Minh Tr là tài xế taxi, số tiền 51.000.000 đồng. Sau khi Tr nhận được tiền thì Tr rút toàn bộ 51.000.000 đồng đưa cho H, H trả tiền taxi cho Tr hai lần là 3.300.000 đồng, Tr đã nộp lại cho Cơ quan điều tra. Số tiền còn lại 6.000.000 đồng H mua sợi dây chuyền cho L, sau đó H đã bán sợi dây chuyền và tiêu dùng cá nhân hết.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 377.000.000đồng của anh Nguyễn Anh B, anh Phạm Hoàng T, anh Nguyễn Văn CH, chị Võ Thị Mộng T1, chị Phạm Thị Hoàng Y, anh Lê Trí D1 thì H không làm gì mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 10/3/2023 anh CH, anh B, anh T làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra

huyện N. Đến ngày 11/3/2023, H đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N để đầu thú về hành vi của mình như đã nêu trên và giao nộp số tiền 5.000.000đ (năm Triệu đồng).

* Tang vật thu giữ: 01 điện thoại Oppp A 15 màu trắng.

Số tiền 5.000.000 đồng của H và 3.300.000đồng H trả tiền taxi cho Tr và Tr đã nộp lại.

* Tại bản cáo trạng số 199/CT.VKS-NT ngày 04/8/2023 và của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 10 năm đến 11 năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Toà tuyên:

+ Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại Oppp A 15 màu trắng (đây là phương tiện để H thực hiện hành vi phạm tội).

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng và 3.300.000đồng để đảm bảo thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự đề nghị tòa tuyên: Buộc bị cáo Nguyễn Trung H phải trả cho anh Nguyễn Anh B số tiền là 217.000.000 đồng, anh Phạm Hoàng T số tiền là 40.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn CH số tiền là 40.000.000 đồng, chị Võ Thị Mộng T1 số tiền là 40.000.000 đồng, chị Phạm Thị Hoàng Y và anh Lê Trí D1 số tiền là 40.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

- Tóm tắt lời khai bị hại anh Nguyễn Anh B như sau:

Sau khi nghe Nguyễn Trung H nói về thông tin vụ án cố ý gây thương tích xảy ra tại ấp Phước Lý, xã Đại Phước, N vào ngày 15/9/2022 có sự tham gia của con anh là Nguyễn Chí K và các bạn, thấy nội dung sự việc rất đúng với tình trạng của con anh. Vì lo lắng cho con nên khi nghe H nói có thể giúp cho K không bị bắt tạm giam và được hưởng án treo và anh B tin tưởng, đồng ý và đã giao cho H 04 lần tiền B tiền mặt, tổng cộng là 217.000.000 đồng. Khi anh giao số tiền 217.000.000 đồng cho H và trao đổi việc lo chạy án cho con mình thì bạn gái của H là Nguyễn Thị L đi theo nhưng không biết nội dung gì, không liên quan đến L.

Sau khi đã giao xong cho H số tiền 217.000.000 đồng thì H tiếp tục nói dối về việc có thể nhờ úp hồ sơ vụ án, không xử lý các đối tượng gây thương tích và

yêu cầu đưa thêm số tiền 200.000.000 đồng, anh B tin tưởng đồng ý. Sau đó anh B đã liên hệ với anh Phạm Hoàng T là cha của Phạm Trung H; anh Nguyễn Văn CH là cha của Nguyễn Anh Duy; anh Lê Trí D1, chị Phạm Thị Hoàng Y là cha dượng và mẹ ruột của Nguyễn Gia HH; chị Võ Thị Mộng T1 là mẹ của Nguyễn Hoàng T2 trao đổi để đưa số tiền 200.000.000đồng cho H lo chạy án, úp hồ sơ vụ án thì những người này đồng ý và tự họ liên hệ với H và tự giao tiền.

Do H đã nhận tiền và không thực hiện nên anh và anh CH, anh T làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N xử lý theo thẩm quyền. Đối với hình phạt thì anh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để xử lý. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 217.000.000 đồng.

- Tóm tắt lời khai bị hại anh Phạm Hoàng T như sau:

Anh là cha ruột của Phạm Trung H. Cuối năm 2022 anh B cha của K có gọi điện cho anh nói đối tượng tên H nói đưa cho H 400.000.000đồng thì H có thể lo lót chỗ công an để chạy án cho K và nhóm bạn trong đó có con anh. Anh B đã đưa trước cho H số tiền 200.000.000đồng còn 05 gia đình còn lại chia nhau đưa cho H . Sau đó H yêu cầu mỗi gia đình đưa cho H 40.000.000đồng. Anh đã gọi điện cho chị T1, chị Y trao đổi và đồng ý nên chị T1, chị Y đã chuyển khoản cho anh mỗi người 20.000.000đồng. Ngày 27/12/2022 anh đã đi rút tiền và đến gặp H tại quán cà phê Mai thuộc phường C, TP TĐ, đi cùng H có người phụ nữ tên L. Anh đã giao cho H tổng số tiền 60.000.000đồng trong đó của anh là 20.000.000đồng, 20.000.000đồng là tiền anh Lê Trí D1 gửi nhờ đưa cho H và 20.000.000đồng là tiền chị Võ Thị Mộng T1 gửi nhờ đưa cho H. Ngày 04/01/2023 anh gặp H, L và chuyển vào tài khoản của L số tiền 20.000.000đồng trong đó có 10.000.000đồng của chị T1 gửi nhờ đưa H. Ngày 05/01/2023 anh đưa cho H tiền mặt là 3.000.000đồng và chuyển vào tài khoản của L là 7.000.000đồng. Tổng các lần anh đưa tiền mặt và chuyển khoản cho H là 90.000.000đồng, trong đó của anh là 40.000.000đồng, của chị Y, anh D1 là 20.000.000đồng, của chị T1 30.000.000đồng.

Khi anh gặp và đưa tiền mặt cho H và chuyển khoản vào tài khoản của L bạn H thì có mặt L nhưng L không biết nội dung trao đổi giữa anh và H là gì và chỉ mượn số tài khoản của L để chuyển tiền, L cũng không biết tiền này là gì, không liên quan đến L.

Do H đã nhận tiền và không thực hiện nên anh và anh B, anh CH làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N xử lý theo thẩm quyền. Đối với hình phạt thì anh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để xử lý. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 40.000.000 đồng.

- Tóm tắt lời khai bị hại anh Nguyễn Văn CH như sau:

Anh là cha ruột của Nguyễn Anh Duy, ngày 27/12/2022 H gặp anh, anh B, anh T tại quán cà phê S, H tiếp tục nói dối về việc có thể nhờ úp hồ sơ vụ án, không xử lý các đối tượng gây thương tích trong đó có con anh và yêu cầu đưa thêm số tiền 200.000.000 đồng. H yêu cầu mỗi gia đình đưa cho H 40.000.000đồng. Chiều ngày 27/12/2022, H đi cùng L đến quán cà phê Mai thuộc phường C, TP TĐ gặp anh và anh T. Tại đây, anh đã đưa cho H số tiền là 20.000.000 đồng. Đến sáng ngày 04/01/2023, thông qua tài khoản Phạm Thế Nam anh nhờ chuyển cho H qua tài khoản của L là 10.000.000đồng. Ngày 05/01/2023 anh gặp H và L tại Làng Bè thuộc xã PA, N anh đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh đưa cho H là 40.000.000đồng.

Khi anh gặp và đưa tiền mặt cho H và chuyển khoản vào tài khoản của L bạn H thì có mặt L nhưng L không biết nội dung trao đổi giữa anh và H là gì và chỉ mượn số tài khoản của L để chuyển tiền, L cũng không biết tiền này là gì, không liên quan đến L.

Do H đã nhận tiền và không thực hiện nên anh và anh B, anh T làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N xử lý theo thẩm quyền. Đối với hình phạt thì anh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để xử lý. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo H phải trả lại cho anh số tiền 40.000.000 đồng.

- Tóm tắt lời khai bị hại anh Lê Trí D1 và chị Phạm Thị Hoàng Y như sau:

Anh chị là cha dượng và mẹ ruột của Nguyễn Gia HH sau khi nghe anh B trao đổi đưa thêm cho H 200.000.000đồng thì H lo chạy án, úp hồ sơ vụ án cho con anh chị và nhóm bạn.

Anh chị đã nhờ anh T đưa cho H số tiền mặt 20.000.000đồng vào ngày 27/12/2022.

Chiều ngày 05/01/2023, H và L gặp chị Y và anh T, chị T1 tại ấp Giồng Ông Đông, xã PĐ, N. Chị Y đã chuyển khoản cho L số tiền 20.000.000 đồng.

Khi chị Y gặp H và chuyển khoản vào tài khoản của L thì có mặt L nhưng L không biết nội dung trao đổi giữa chị và H là gì và chỉ mượn số tài khoản của L để chuyển tiền, L cũng không biết tiền này là gì, không liên quan đến L.

Do H đã nhận tiền và không thực hiện nên nhóm anh chị đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N xử lý theo thẩm quyền. Đối với hình phạt thì anh chị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để xử lý. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo H phải trả lại cho anh chị số tiền 40.000.000 đồng.

- Tóm tắt lời khai bị hại chị Võ Thị Mộng T1 như sau:

Chị là mẹ ruột của Nguyễn Hoàng T2, sau khi nghe anh B trao đổi đưa thêm cho H 200.000.000đồng thì H lo chạy án, úp hồ sơ vụ án cho con chị và nhóm bạn.

Ngày 27/12/2022 chị đã nhờ anh T đưa cho H số 20.000.000đồng và ngày 04/01/2023 chị chuyển khoản cho anh T nhờ anh T đưa cho H thêm 10.000.000đồng.

Chiều ngày 05/01/2023, H và L gặp chị và anh T, chị Y tại ấp Giồng Ông Đông, xã PĐ, N, tại đây chị đã đưa tiền mặt cho H 10.000.000đồng. Khi chị gặp H và đưa tiền thì có mặt L nhưng L không biết nội dung trao đổi giữa chị và H là gì và chỉ mượn số tài khoản của L để chuyển tiền, L cũng không biết tiền này là gì, không liên quan đến L.

Do H đã nhận tiền và không thực hiện nên nhóm chị đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện N xử lý theo thẩm quyền. Đối với hình phạt thì chị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để xử lý. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo H phải trả lại cho chị số tiền 40.000.000 đồng.

- Tóm tắt lời khai người làm chứng chị Nguyễn Thị L như sau:

Chị là bạn gái của Nguyễn Trung H. Số tài khoản 08380070032005, ngân hàng MB Bank là của chị. Khi đi ra ngoài có việc thì H thường dẫn chị đi theo. Chị có cho H mượn số tài khoản của mình để nhận chuyển tiền vào tài khoản của chị.

Ngày 04/01/2023 anh T chuyển vào tài khoản của chị số tiền 20.000.000đồng và người nhà anh CH tên Phạm Thế Nam chuyển vào tài khoản của chị số tiền 10.000.000đồng. Ngày 05/01/2023 anh T chuyển vào tài khoản của chị 7.000.000đồng và chị Y chuyển khoản 20.000.000đồng. Tổng số tiền chị nhận chuyển vào tài khoản là 57.000.000đồng.

Theo yêu cầu của H thì ngày 04/01/2023 tôi chuyển vào tài khoản số 0401001503999 ngân hàng Vietcombank của anh Tr số tiền 27.000.000đồng và ngày 05/01/2023 chị chuyển tiếp cho anh Tr số tiền 24.000.000đ, tổng cộng 02 lần là 51.000.000đ để anh Tr đi rút đưa lại H. Số tiền 6.000.000đồng còn lại H mua dây chuyền cho chị đeo, sau đó H lấy lại bán và tiêu xài cá nhân.

Chị có đi theo H đến quán cà phê, quán ăn để gặp mấy người lớn tuổi sau này chị mới biết đó là anh CH, anh B, anh T, chị Y, chị T1, chị không nghe H và những người này bàn bạc chuyện gì, có thấy họ đưa tiền cho H và nhờ tài khoản của chị để chuyển tiền cho H, chị có hỏi H về những người này nhưng H không nói gì, chị không biết gì nên không liên quan trong vụ án này.

- Tóm tắt lời khai người làm chứng anh Nguyễn Minh Tr như sau:

Anh là tài xế chạy dịch vụ, H là khách hàng quen của anh, L là bạn của H. Ngày 04/01/2023 anh nhận chở H và L đi gặp bạn và ăn uống, vì là tài xế nên anh ăn xong và ra xe nằm đợi. Trong khi ăn uống anh không nghe H và nhóm người kia nói gì, trao đổi nội dung gì. Sau khi ăn xong và quay xe ra về thì H nói L chuyển tiền vào tài khoản của anh số 0401001503999 ngân hàng Vietcombank số

tiền 27.000.000đồng, anh chạy đến trụ ATM của Ngân hàng Vietcombak N rút và đưa lại cho H. H đưa cho anh 2.000.000đồng tiền xe.

Ngày 05/01/2023 anh chở H và L sang Thành phố TĐ để gặp bạn và gặp xong thì đi về , trên đường về H nói L chuyển vào tài khoản của anh số tiền 24.000.000đồng, anh rút đưa lại cho H và H đưa anh 1.300.000đồng tiền xe.

Anh có nhận của L chuyển số tiền 02 lần là 51.000.000đồng, anh đã rút ra đưa lại cho H, anh không biết nguồn tiền này từ đâu mà có, H chỉ nhờ anh rút tiền mặt ra cho H và sau đó trả tiền taxi cho anh ngoài ra H không cho anh thêm số tiền nào khác. Số tiền 3.300.000đồng là tang vật vụ án anh đã nộp lại cho Cơ quan công an.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại anh Phạm Hoàng T, Chị Phạm Thị Hoàng Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T, chị Y vắng mặt. Tại hồ sơ thể hiện đầy đủ lời khai anh T, chị Y. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Y.

[2].Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai ban đầu, cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 24/12/2022 đến giữa tháng 02/2023, tại địa bàn xã PĐ, xã PA, xã Phước Hữu, huyện N Nguyễn Trung H đã có hành vi gian dối là có khả có khả năng lo chạy trắng án cho các đối tượng trong vụ cố ý gây thương tích xảy ra tại ấp Phước Lý, xã Đại Phước, N vào ngày 15/9/2022 được hưởng án treo và không bị xử lý nên H đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Anh B số tiền là 217.000.000 đồng, của anh Phạm Hoàng T số tiền là 40.000.000 đồng, của anh

Nguyễn Văn CH số tiền là 40.000.000 đồng, của chị Võ Thị Mộng T1 số tiền là 40.000.000 đồng, của Phạm Thị Hoàng Y và Lê Trí D1 số tiền là 40.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H chiếm đoạt của các bị hại là 377.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Vì vậy có đủ căn cứ và cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[4]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hình phạt: Xét tính chất tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là rất nghiêm trọng và mức độ nguy hiểm cho xã hội là rất lớn, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu về mặt an ninh và trật tự trong xã hội. Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Bị cáo đã có thời gian cải tạo lâu về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản trước đó, bị cáo không lấy đó làm gương để cải sửa bản thân, trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội, cho thấy bị cáo coi thường pháp luật. Do đó, cần xử bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần và tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đầu thú và trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Tịch thu sung công: 01 điện thoại Oppp A 15 màu trắng (đây là phương tiện để H thực hiện hành vi phạm tội).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng và 3.300.000đồng để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/8/2023 và biên lai thu tiền số 0002147 ngày 10/8/2023 và biên lai thu số tiền 0002462 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

- Trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Trung H phải trả lại cho: Anh Nguyễn Anh B số tiền là 217.000.000 đồng, anh Phạm Hoàng T số tiền là 40.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn CH số tiền là 40.000.000 đồng, chị Võ Thị Mộng T1 số tiền là 40.000.000 đồng, chị Phạm Thị Hoàng Y và Lê Trí D1 số tiền là 40.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6]. Đối với Nguyễn Thị L cung cấp số tài khoản cho H để nhận tiền của anh Nguyễn Văn CH, anh Phạm Hoàng T, chị Phạm Thị Hoàng Y tổng số tiền 57.000.000 đồng, tuy nhiên do H không có tài khoản ngân hàng nên nhờ L, L không bàn bạc và không biết H nhờ tài khoản nhận tiền gì và không biết H trao đổi gì với những bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với L là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Minh Tr là tài xế taxi và là người cho H mượn số tài khoản để L chuyển số tiền 51.000.000 đồng, tuy nhiên do Tr không bàn bạc và không biết tiền này do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với Tr là có cơ sở.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 18.850.000đồng.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, 292, 298, 299, 326, 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng Điều 38; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g,h Điều 52 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2023.

2. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015.

- Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung công: 01 điện thoại Oppp A 15 màu trắng (đây là phương tiện để H thực hiện hành vi phạm tội).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng và 3.300.000đồng để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/8/2023 và

biên lai thu tiền số 0002147 ngày 10/8/2023 và biên lai thu số tiền 0002462 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

- Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Trung H phải trả lại cho: Anh Nguyễn Anh B số tiền là 217.000.000 đồng (hai trăm mười bảy Triệu đồng), anh Phạm Hoàng T số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), anh Nguyễn Văn CH số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), chị Võ Thị Mộng T1 số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), chị Phạm Thị Hoàng Y và Lê Trí D1 số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 18.850.000đồng (mười tám Tr, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Bị cáo, bị hại anh B, anh CH, anh D1, chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T, chị Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi